TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2024.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang

Ông Phạm Công Định

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 157/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 190/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1986,

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Người được anh Chính ủy q giao nhận văn bản tố tụng: Chị **Vũ Thị C1**, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu dân cư T, phường Đ, thành phố C, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1987,

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Nhật Bản.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1967. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Anh C, chị C1, chị H và bà Thanh vắng m tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/11/2013. Sau khi kết hôn, chị H chuyển về nhà anh tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương để sinh sống cùng gia đình nhà chồng. Vợ chồng chung sống cùng nhau hạnh phúc đến năm 2014 thì để phát triển kinh tế gia đình nên chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Do mỗi người một nơi, vợ chồng xa cách nhiều năm nên tình cảm phai nhạt dần, mỗi lần gọi điện nói chuyện thì vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm nên anh chị ít liên lạc với nhau. Đến khoảng đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Dù đã được bố mẹ hai bên gia đình vận động hòa giải nhưng vẫn không hàn gắn được. Anh xác định vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị H để sớm ổn định cuộc sống riêng.

- Về con chung: Anh và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Q, sinh ngày 20/7/2009, hiện nay đang sinh sống và học tập ổn định với ông bà ngoại là ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị T, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Khi ly hôn anh đề nghị tiếp tục giao cháu Q cho chị H chăm sóc và nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng do anh chị tự thỏa thuận. Trong thời gian chị H không ở trong nước, đề nghị Tòa án giao cháu Q cho ông bà ngoại chăm sóc cháu thay chị H cho đến khi chị về nước.

- Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do anh C không cung cấp được địa chỉ của chị H ở Nhật Bản nên Tòa án đã tiến hành xác minh với gia đình chị H. Bà Nguyễn Thị T (là mẹ đẻ của chị H) trình bày: Chị H vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình bà qua điện thoại. Tuy nhiên, chị H không cho bà biết địa chỉ cụ thể nên bà không cung cấp được cho Tòa án, mặc dù đã được Toà án yêu cầu nhiều lần. Bà đã thông báo đầy đủ các văn bản tố tụng cho chị H. Chị H biết việc anh C yêu cầu giải quyết ly hôn, nhưng hiện nay chị H đang lao động tại Nhật Bản nên không thể về để trình bày ý kiến và cũng không có văn bản trình bày quan điểm gửi về cho Tòa án được. Chị H có nhờ bà trình bày lại quan điểm với Tòa án. Chị xác định vợ chồng đã sống xa cách nhiều năm dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, có nhiều mâu thuẫn không khắc phục được, nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh C. Chị và anh C có 01 con chung là Nguyễn Đức Q, sinh ngày 20/7/2009 hiện nay đang sinh sống ổn định với ông bà ngoại tại địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương. Anh Chính đề n tiếp tục giao cháu Q cho chị H chăm sóc và nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng do anh chị tự thỏa thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết, chị có quan điểm nhất

trí. Trong thời gian chị H không ở trong nước, chị ủy quyền cho ông bà ngoại trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q thay chị, cho đến khi chị về nước. Bà T cũng có ý kiến đồng ý nhận ủy quyền của chị H. Về tài sản chung, nợ chung chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn anh C xử vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn chị H được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 tại phiên tòa không có lý do; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T có đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Xử cho anh Nguyễn Văn C ly hôn chị Nguyễn Thị H; Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 01 con chung là Nguyễn Đức Q, sinh ngày 20/7/2009 và chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu Toà án giải quyết việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị H do anh chị tự thoả thuận. Trong thời gian chị H không ở trong nước, giao cháu Q cho bà T (bà ngoại) chăm sóc cháu thay chị H cho đến khi chị về nước; Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không phải giải quyết; Về án phí: Anh C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn C khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị H. Chị H hiện nay đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản, có địa chỉ trước khi xuất cảnh tại thôn T, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh C không cung cấp được địa chỉ của chị H tại Nhật Bản. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu gia đình chị H cung cấp địa chỉ của chị H. Gia đình chị H xác định chị H đang ở nước ngoài vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể, nên gia

đình không cung cấp được địa chỉ chị H cho Toà án. Tuy nhiên, gia đình chị H chấp nhận nhận văn bản tố tụng của Toà án và xác định đã thông báo đầy đủ nội dung văn bản cho chị H được biết. Chị H không có văn bản gửi về cho Toà án, nhưng có thông qua gia đình trình bày quan điểm về vụ án. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Anh C, bà T vắng mặt tại phiên toà và đề nghị xử vắng mặt; chị H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa những vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh C, chị H và bà T.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương vào ngày 11/11/2013 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị H chuyển về sống cùng anh C tại thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống cùng nhau hạnh phúc, đến năm 2014 thì để phát triển kinh tế gia đình, chị H đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Do mỗi người một nơi, vợ chồng xa cách nên tình cảm phai nhạt dần, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm khi liên lạc với nhau qua điện thoại. Đến đầu năm 2023 thì mâu thuẫn trầm trọng, không ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Dù đã được bố mẹ hai bên gia đình động viên, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Nay anh C xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu ly hôn thì chị H cũng đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh C và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận cho anh C được ly hôn chị H theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh C và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Q, sinh ngày 20/7/2009, hiện nay đang sinh sống và học tập ổn định với bà ngoại. Anh Chính đề n Tòa án giao cháu Q cho chị H chăm sóc và nuôi dưỡng. Trong thời gian chị H không ở trong nước, giao cháu Q cho bà ngoại là bà Nguyễn Thị T, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương chăm sóc cháu thay chị H cho đến khi chị về nước. Chị H và bà T đều nhất trí với đề nghị của anh C. Xét thấy, hiện nay cháu Q đang sinh sống và học tập ổn định cùng bà T (bà ngoại) và cháu có nguyện vọng được ở với mẹ và bà ngoại nên chấp nhận đề nghị về việc nuôi con chung này của anh C.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H tự nguyện cùng anh C tự thoả thuận việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết nên chấp nhận sự tự nguyện của chị H.

Anh Nguyễn Văn C được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh C là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn C được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung: Giao cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Đức Q, sinh ngày 20/7/2009 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Trong thời gian chị H không ở trong nước, giao cháu Q cho bà Nguyễn Thị T, địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện N, tỉnh Hải Dương (là mẹ của chị H) chăm sóc cháu thay chị H cho đến khi chị về nước. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu Toà án buộc anh C cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/23 số 0000563 ngày 03/4/2024 (anh C đã nộp đủ án phí).

4. Về quyền kháng cáo: Anh C có quyền kháng cáo bản án, bà T có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Thanh Quang, huyện Nam Sách (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Cường